

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 27/2025/HS-ST
Ngày 12-6-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Ngô Lê Tuấn Kiệt

2/ Ông Võ Văn Tường.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Khang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hoài Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1958. Nơi sinh: tại Cần Thơ. Giới tính: Nam; Nơi cư trú: ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: làm vườn. Trình độ văn hóa: 3/12. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn K (c) và bà Dương Thị P (c). Có vợ tên Trần Thị N1. Có 02 con: Lớn sinh năm 1988 và nhỏ sinh năm 1992. Tiền án: không. Tiền sự: không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1/ Ông Châu Thạch L, sinh năm 1969 – có mặt;

2.2/ Bà Lê Thị Út N2, sinh năm 1970 – có mặt.

Cùng nơi cư trú: ấp T, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 02/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện P, thành phố Cần Thơ nhận được tin tố giác của bà Lê Thị Út N2 về việc tố giác bị cáo Nguyễn Văn N về hành vi cho vay lãi nặng đối với mình. Qua điều tra đã làm rõ như sau:

Do cần tiền để tiêu xài cá nhân, trong khoảng thời gian từ ngày 24/01/2021 đến ngày 23/4/2023, bị cáo Nguyễn Văn N đã cho vợ chồng bà Lê Thị Út N2 và ông Châu Thạch L vay tiền với hình thức trả lãi theo tháng, hai bên thỏa thuận mức lãi suất từ 13%/tháng đến 14%/tháng, tương ứng với mức từ 156%/năm đến 168%/năm, cao gấp 7,8 lần đến 8,4 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 (sau đây viết tắt là BLDS). Khi có nhu cầu vay, vợ chồng bà N2 chủ động đến gặp bị cáo N để hỏi vay tiền. Giữa bị cáo và vợ chồng bà N2 không có lập hợp đồng vay, không có thế chấp tài sản. Bị cáo thu lãi đến khi nào người vay trả hết vốn và lãi. Tiền lãi hàng tháng được vợ chồng bà N2 đóng trực tiếp bằng tiền mặt cho bị cáo và được bị cáo ghi vào sổ để theo dõi. Cụ thể các lần vay và những lần đóng lãi như sau:

- Lần 1: Vào ngày 24/01/2021, bị cáo cho vợ chồng bà N2 vay số tiền 40.000.000 đồng, với lãi suất 14%/tháng. Chưa thu lãi. Tiền lãi hợp pháp tính từ ngày 24/01/2021 đến ngày 26/01/2021 là 44.444 đồng. Gộp gốc vào lần 2 ngày 27/01/2021.

- Lần 2: Vào ngày 27/01/2021, bị cáo cho vợ chồng bà N2 vay thêm số tiền 10.000.000 đồng, cộng gộp số tiền vay lần 01, tổng số tiền gốc là 50.000.000 đồng, tính lãi suất 14%/tháng. Cùng ngày vợ chồng bà N2 đóng lãi 01 tháng là 7.000.000 đồng. Tiền lãi hợp pháp tính từ ngày 27/01/2021 đến ngày 11/02/2021 là 416.667 đồng. Gộp gốc vào lần 5 ngày 12/02/2021.

- Lần 3: Vào ngày 01/02/2021, bị cáo cho vợ chồng bà N2 vay thêm số tiền 25.000.000 đồng, với lãi suất 14%/tháng. Chưa thu lãi. Tiền lãi hợp pháp tính đến từ ngày 01/02/2021 đến ngày 11/02/2021 là 138.889 đồng. Gộp gốc vào lần 5 ngày 12/02/2021.

- Lần 4: Vào ngày 05/02/2021, bị cáo cho vợ chồng bà N2 vay thêm số tiền 25.000.000 đồng, với lãi suất 14%/tháng. Chưa thu lãi. Tiền lãi hợp pháp tính từ ngày 05/02/2021 đến ngày 11/02/2021 là 83.333 đồng. Gộp gốc vào lần 5 ngày 12/02/2021.

- Lần 5: Vào ngày 12/02/2021, bị cáo cho vợ chồng bà N2 vay thêm số tiền 25.000.000 đồng và cộng vốn gốc các lần vay 1, 2, 3, 4, 5 thành số tiền gốc là 125.000.000 đồng. Thỏa thuận lãi suất là 14%/tháng, với tiền lãi phải đóng hàng tháng là 17.500.000 đồng. Vợ chồng bà N2 có đóng lãi được 1 tháng với số tiền là 8.500.000 đồng, còn nợ lãi 9.000.000 đồng. Tiền lãi hợp pháp tính từ ngày 12/02/2021 đến ngày 25/3/2021 là 2.989.111 đồng. Gộp gốc vào lần 6 ngày 26/3/2021.

- Lần 6: Vào ngày 26/3/2021, bị cáo cho vợ chồng bà N2 vay thêm số tiền 50.000.000 đồng, cộng tiền gốc các lần vay 1, 2, 3, 4, 5 và 6 là 175.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận, thống nhất chuyển lãi còn nợ 9.000.000 đồng ở lần vay thứ 5 thành tiền gốc, thống nhất làm tròn 10.000.000 đồng, nâng tổng số tiền gốc vợ chồng bà N2 nợ bị cáo lên 185.000.000 đồng, thống nhất giảm lãi suất xuống 13%/tháng, tương đương số tiền 24.050.000 đồng. Cả hai bên tiếp tục thỏa thuận làm tròn tiền lãi và mỗi tháng vợ chồng bà N2 phải trả cho bị cáo là 25.000.000 đồng/tháng, ấn định ngày trả lãi hàng tháng là ngày 12 theo dương lịch. Như vậy, tiền lãi hợp pháp tính từ ngày 26/3/2021 đến ngày bị phát hiện là ngày 02/8/2024 số tiền là 117.347.222 đồng.

* Vợ chồng bà N2 trả lãi tiếp tục như sau:

+ Ngày 12/4/2021 vợ chồng bà N2 không nộp lãi như thỏa thuận, đến ngày 12/5/2021 vợ chồng bà N2 đóng lãi cho bị cáo 02 tháng số tiền 50.000.000 đồng.

+ Ngày 12/6/2021, vợ chồng bà N2 đóng lãi cho bị cáo số tiền là 10.000.000 đồng, còn nợ tiền lãi theo thỏa thuận là 15.000.000 đồng.

+ Ngày 12/7/2021, vợ chồng bà N2 đóng lãi cho bị cáo số tiền 20.000.000 đồng, còn nợ tiền lãi theo thỏa thuận là 5.000.000 đồng.

+ Ngày 12/8/2021, vợ chồng bà N2 đóng lãi cho bị cáo số tiền 15.000.000 đồng, còn nợ tiền lãi theo thỏa thuận là 10.000.000 đồng.

+ Ngày 12/9/2021, vợ chồng bà N2 đóng lãi cho bị cáo số tiền 10.000.000 đồng, còn nợ tiền lãi theo thỏa thuận là 15.000.000 đồng.

+ Ngày 12/10/2021, vợ chồng bà N2 đóng lãi cho bị cáo số tiền 9.000.000 đồng, còn nợ tiền lãi theo thỏa thuận là 16.000.000 đồng.

+ Ngày 12/11/2021, vợ chồng bà N2 đóng lãi cho bị cáo số tiền 7.500.000 đồng, còn nợ tiền lãi theo thỏa thuận là 17.500.000 đồng.

+ Ngày 12/12/2021, vợ chồng bà N2 đóng lãi cho bị cáo số tiền 4.000.000 đồng, còn nợ tiền lãi theo thỏa thuận là 21.000.000 đồng.

+ Ngày 12/01/2022, vợ chồng bà N2 đóng lãi cho bị cáo số tiền 10.000.000 đồng, còn nợ tiền lãi theo thỏa thuận là 15.000.000 đồng.

+ Ngày 24/01/2022, vợ chồng bà N2 trả cho bị cáo số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc, nhưng bị cáo không đồng ý, vì vợ chồng bà N2 còn nợ lãi tổng số tiền là 114.500.000 đồng, khấu trừ 100.000.000 đồng này thì vợ chồng bà N2 vẫn còn nợ lãi bị cáo là 14.500.000 đồng.

+ Ngày 12/02/2022, vợ chồng bà N2 đóng lãi cho bị cáo số tiền 25.000.000 đồng.

+ Ngày 12/3/2022, vợ chồng bà N2 đóng lãi cho bị cáo số tiền 40.000.000 đồng.

+ Ngày 12/4/2022, vợ chồng bà N2 đóng lãi cho bị cáo số tiền 20.000.000

đồng, còn nợ tiền lãi theo thỏa thuận là 5.000.000 đồng.

+ Ngày 12/5/2022, vợ chồng bà N2 đóng lãi cho bị cáo số tiền 9.900.000 đồng, còn nợ tiền lãi theo thỏa thuận là 15.100.000 đồng.

+ Ngày 12/6/2022, vợ chồng bà N2 đóng lãi cho bị cáo số tiền 20.000.000 đồng, còn nợ tiền lãi theo thỏa thuận là 5.000.000 đồng.

+ Ngày 12/12/2022, vợ chồng bà N2 đóng lãi cho bị cáo số tiền 7.000.000 đồng, còn nợ tiền lãi theo thỏa thuận là 18.000.000 đồng.

+ Ngày 12/01/2023, vợ chồng bà N2 đóng lãi cho bị cáo số tiền 2.000.000 đồng, còn nợ tiền lãi theo thỏa thuận là 23.000.000 đồng.

+ Ngày 23/4/2023, vợ chồng bà N2 trả cho bị cáo số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc nhưng bị cáo không đồng ý và lấy số tiền này khấu trừ vào tiền lãi mà vợ chồng bà N2 còn nợ trước đó.

Tổng tiền lãi đã thu là 474.900.000 đồng. Tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 24/01/2021 đến ngày 02/8/2024 là 121.016.666 đồng. T lợi bất chính số tiền 353.883.334 đồng. Vợ chồng bà N2 còn nợ vốn gốc là 175.000.000 đồng.

*** Vật chứng thu giữ gồm:**

- 01 (một) cuốn tập học sinh thể hiện quá trình thu lãi, số tiền cho vay (thu giữ của bị cáo);

- 06 (sáu) biên nhận tiền và cam kết trả tiền (thu giữ của bị cáo - bản gốc);

- 05 (năm) tờ giấy hình chụp ghi lại quá trình đóng lãi (do bà N2 nộp -photo).

Đối với bà Ngô Thanh Ú (Út T1) và bà Lâm Kim S (N3) không thừa nhận có cho bị cáo vay tiền để cho vay lại. Do đó, không đủ cơ sở xử lý, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, đủ cơ sở xử lý sau.

Tại Cáo trạng số 33/CT-VKSPĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở xác định bị cáo cho vợ chồng bà N2 vay với tổng số tiền gốc là 175.000.000 đồng, tổng tiền lãi đã thu về là 474.900.000 đồng, trong đó: tiền lãi hợp pháp là 59.430.358 đồng, thu lợi bất chính là 415.469.642 đồng nên bị cáo đã phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Về tình tiết tăng nặng bị cáo thu lợi bất chính nhiều lần với số tiền từ 30.000.000 đồng trở lên. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 35 Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo như sau:

* Về trách nhiệm hình sự: Xử phạt bị cáo số tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.

* Về xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm:

+ Tịch thu sung công tiền vốn gốc là 175.000.000 đồng, trong đó: buộc ông Châu Thạch L và bà Lê Thị Út N2 nộp tiền vốn gốc là 175.000.000 đồng.

+ Tịch thu sung công tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự mà bị cáo thu của người vay.

+ Trả cho ông Châu Thạch L và bà Lê Thị Út N2 tiền thu lợi bất chính.

* Tịch thu lưu hồ sơ vật chứng đã thu giữ như sau:

- 01 (một) cuốn tập học sinh do bị cáo giao nộp thể hiện quá trình thu lãi, số tiền cho vay.

- 06 (sáu) biên nhận tiền và cam kết trả tiền.

- 05 (năm) tờ giấy bản pho to hình chụp từ sổ của bị cáo.

Lời nói sau cùng của Bị cáo: Do bị cáo lớn tuổi và không biết cho vay như vậy là phạm tội nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cùng tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

[3] Xuất phát từ động cơ tư lợi, từ ngày 24 tháng 01 năm 2021 đến phát hiện là ngày 02 tháng 8 năm 2024, bị cáo Nguyễn Văn N đã cho vợ chồng ông Châu Thạch L và bà Lê Thị Út N2 vay với mức lãi suất từ 13%/ tháng đến 14%/ tháng tương ứng với mức lãi suất từ 156%/ năm đến 168%/ năm, vượt từ 7,8 lần đến 8,4 lần lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Bị cáo là người trực tiếp đưa tiền vay, thu lãi vay và tiền gốc.

[4] Bị cáo cho vay đến khi nào người vay trả hết tiền gốc và lãi thì xem như trả hết nợ và tiếp tục tính lãi suất nên đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn. Do đó, tính đến ngày phát hiện mà người vay chưa trả vốn gốc thì tính tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự là tổng tiền lãi đã thu của người vay sau khi trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, tính từ thời điểm cho vay đến thời điểm cơ quan có thẩm quyền phát hiện là 02/8/2024 theo mốc thời gian của từng khoản vay.

[5] Bị cáo cho vợ chồng bà N2 vay liên tục, nối tiếp nhau về mặt thời gian tính từ ngày 24/01/2021 đến ngày phát hiện tổng số tiền vốn gốc là 175.000.000 đồng. Tổng tiền lãi đã thu 474.900.000 đồng. Trong đó: T2 thu lợi bất chính tính từ ngày 24/01/2021 đến ngày phát hiện là ngày 02/8/2024 theo mốc thời gian của từng khoản vay với số tiền là 353.883.334 đồng.

[6] Theo Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

[7] Do đó, bị cáo đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[8] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ và hành vi của bị cáo còn mang tính chất bóc lột, làm cho người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Bị cáo là người đã thành niên và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, cần có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo cho tương xứng với tính chất, mức độ bị cáo đã gây ra.

[9] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy khi lượng hình cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như sau: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[10] Ngoài ra, vợ chồng bà N2 có yêu cầu xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, xét thấy người vay tiền được xác định tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nên người vay không có quyền xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, mà theo quy định pháp luật thì chỉ có người bị hại mới có quyền này. Do đó, yêu cầu xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người vay không được xem là tình tiết giảm nhẹ.

[11] Về tình tiết tăng nặng: Theo Đại diện Viện kiểm sát cho rằng bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là không phù hợp. Bởi lẽ, bị cáo cho vay từ lần 01 đến lần 05 số tiền thu lợi bất chính không vượt mức 30.000.000 đồng. Lần thứ 6 là cộng vốn gốc của cả 05 lần đầu nên số tiền gốc tăng là 175.000.000 đồng thì trong lần 06 này, vợ chồng bà N2 mới có đóng tiền lãi cao lên. Tuy nhiên, trong toàn bộ chu kỳ vay của lần 06 vẫn tính là một lần vay nên không thể tính phạm tội 02 lần trở lên được. Vì vậy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[12] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo thu lợi bất chính với số tiền 353.883.334 đồng là cao so với mức định khung khởi điểm của khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo có nhân thân tốt; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo cho vay chỉ có vợ chồng bà N2; không có tổ chức băng, nhóm để thu hồi nợ; có nơi cư trú rõ ràng và bị cáo là người cao tuổi nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe và phòng ngừa chung. Do đó, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền về mức hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[13] *Về các biện pháp tư pháp*: Theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[14] *Xử lý tiền liên quan đến tội phạm*: Tịch thu sung công đối với khoản tiền bị cáo dùng để cho vay là 175.000.000 đồng và tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 121.016.666 đồng. Trả lại cho người vay tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu của người vay là 353.883.334 đồng.

[15] *Về xử lý vật chứng*: Các tài liệu, chứng cứ đã thu giữ trong vụ án là chứng cứ quan trọng nên cần tịch thu lưu hồ như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[16] *Về án phí*: Do bị cáo thuộc diện người cao tuổi nên miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[17] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn N** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

1/ Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

2/ Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

2.1/ Xử lý tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước khoản tiền bị cáo dùng để cho vay là 175.000.000 đồng. Do người vay chưa trả nên buộc ông Châu Thạch L và bà Lê Thị Út N2 nộp số tiền 175.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên buộc bị cáo nộp số tiền lãi đã thu là 121.016.666 đồng (Một trăm hai mươi một triệu không trăm mười sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

- Buộc bị cáo trả lại cho ông Châu Thạch L và bà Lê Thị Út N2 tiền thu lợi bất chính là 353.883.334 đồng (Ba trăm năm mươi ba triệu tám trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi bốn đồng).

2.2/ Xử lý vật chứng: Tịch thu lưu hồ sơ gồm: 01 (một) cuốn tập học sinh của bị cáo giao nộp thể hiện quá trình thu lãi và số tiền cho vay; 06 (sáu) biên nhận tiền và cam kết trả tiền và 05 (năm) tờ giấy bản pho to hình chụp từ sổ của bị cáo. Đã lưu hồ sơ xong.

3/ *Về án phí:* Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 12 và 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn N.

4/ *Về quyền kháng cáo:* Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo.

5/ Trường hợp, Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và

Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- Chi Cục THADS H. Phong Điền;
- Công an TP. Cần Thơ;
- Sở tư pháp TP.Cần Thơ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Bị cáo và đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Lo